

Số: 1046/TYC-BVT

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 4 năm 2024

THƯ YÊU CẦU
V/v Gia hạn thời gian nhận báo giá

Kính gửi: Quý Công ty

Ngày 02/4/2024, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận có phát hành Thư yêu cầu chào giá số 848/TYC-BVT cho danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Sau thời hạn, Bệnh viện chưa nhận được báo giá cho danh mục này. Do đó, Bệnh viện gia hạn thời gian nhận báo giá với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

- Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 19 tháng 4 năm 2024 đến trước 15h ngày 03 tháng 5 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày mở thư chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận (phụ lục 01).
- Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:
 - Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.
 - Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa tại phụ lục 02.1 (Sổ phiếu tiếp nhận, sổ lưu hành, sổ đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá).
 - Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 1 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn>, vtvt.bvninhthuan@gmail.com, hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: ≥ 6 tháng được tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

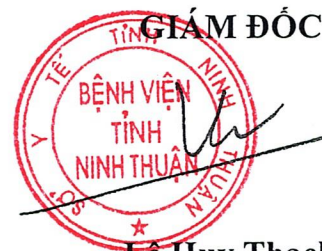
- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCG₃



Lê Huy Thạch

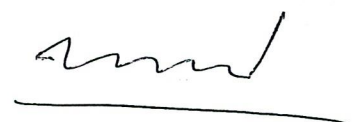
**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH**

(Đính kèm Thư yêu cầu số: 1046/TYC-BVT ngày 19 / 4 /2024 của Bệnh viện tỉnh)

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I.	Nhóm số 1: Vật tư dùng trong nha khoa			
A.	Dụng cụ nha			
1	Gương khám	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Mặt gương size: 4SS Cán gương dài $\geq 12,5\text{cm}$	Cây	70
2	Thăm trám	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Loại 1 đầu cong + 1 đầu thẳng	Cây	50
3	Kẹp gấp bông	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Thiết kế có khoá kẹp bằng tay, dài $\geq 15\text{cm}$	Cây	50
4	Nạo ngà trung	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Đầu nạo ngà đường kính: 2,5mm	Cây	12
5	Kéo thẳng nhỏ	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Kéo Iris thẳng dài $\geq 12\text{cm}$	Cây	55
6	Kéo cong nhỏ	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Kéo Iris cong dài $\geq 12\text{cm}$	Cây	55
7	Kềm cắt thép	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Kéo cắt kềm $\geq 10,5\text{cm}$	Cây	10
8	Nạy thẳng	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Nạy nhỏ răng thẳng $\geq 3\text{mm}$	Cái	60
9	Cạo vôi trên nướu	Đầu lấy cao răng 25K trên nướu	Cây	7
10	Cạo vôi dưới nướu	Đầu lấy cao răng 25K dưới nướu	Cây	7
11	Tay khoan nhanh	Bạc đạn chất liệu sứ bền chắc. Thiết kế chất liệu titanium, dạng khớp vắn. Có thể tiệt trùng và tẩy trùng nhiệt. Công nghệ định hình titanium siêu dẻo tạo trọng lượng nhẹ: 46g. Tầm nhìn tối ưu nhờ kích thước đầu nhỏ. Hệ thống 4 vòi phun nước. Chốt kẹp. Cơ cấu ngăn hút ngược kép khi ngừng (hệ thống đầu bảo vệ) Chức năng dừng nhanh: thời gian giảm tốc mũi khoan nhanh Bộ phận thẳng của cánh quạt đảm bảo tốc độ cánh quạt không tải được giới hạn mà không làm giảm đáng kể công suất. Tay khoan hoạt động với độ ồn thấp Đầu chuẩn nhỏ gọn + Chiều cao: 13mm + Đường kính: 11.9mm Công suất hoạt động: 30W. Áp suất hơi vận hành: 2.3 – 3.3bar Áp suất hơi hồi: $< 0.3\text{bar}$ Áp suất phun sương: $2.0 \pm 0.2\text{bar}$ Lượng nước tiêu thụ $> 50\text{ml/phút}$ Tốc độ quay: 400.000 vòng/phút Lực kẹp mũi: $\geq 22\text{N}$, nút bấm kẹp Đường kính trục: 1.59 – 1.60mm Tiệt trùng tay khoan ở 135°	Cây	15

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
12	Tay khoan (Đầu thẳng)	Hệ thống phun nước ngoài, dễ dàng tháo lắp để vệ sinh. Dạng khớp kết nối Sử dụng mũi khoan đường kính: 2.334 - 2.350mm Chiều dài mũi: ≤ 34mm Đường kính cắt: tối đa 2mm Tốc độ tối đa: 40.000 vòng/phút Tỉ lệ 1:1 Trọng lượng: 72g Đầu chuẩn nhỏ gọn + Chiều cao: 12.4mm + Đường kính: 8.7mm Lượng nước tiêu thụ: > 50ml/phút Khử trùng tay khoan: 135°	Cây	7
13	Tay khoan (Đầu khuỷu)	Dạng khớp kết nối Sử dụng mũi khoan đường kính: 2.334 - 2.350mm Chiều dài mũi: ≤ 50mm Tốc độ tối đa: 40.000 vòng/phút Tỉ lệ 1:1 Trọng lượng: 77g Lượng nước tiêu thụ: > 50ml/phút Khử trùng tay khoan: 134°	Cây	7
14	Tay khoan (Đầu Torque)	Mô-tơ biến đổi hơi thành vòng quay và truyền lực quay đến dụng cụ Hệ thống phun nước ngoài Tốc độ quay: > 18.000 vòng/phút Áp suất hơi hoạt động: 2.3 ± 0.2bar Lượng hơi tiêu thụ: 50 nl/phút Áp suất hơi hồi: < 0.15bar Áp suất phun nước: 2.3 ± 0.2bar Lượng nước tiêu thụ: > 50ml/phút Áp suất phun hơi: 2.3 ± 0.2bar Khử trùng ở: 134°	Cây	15
15	Bơm tiêm nha khoa	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Ống chích thuốc tẽ 1.8cc	Cây	40
16	Kẹp cầm máu cong	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp pen cong dài ≥ 12cm	Cây	50
17	Phẫu tích không máu	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Kẹp phẫu thuật không máu ≥ 12cm, 1mm	Cây	50
18	Chỉ co nướu nhỏ	Chỉ co nướu sợi bền được cuộn tròn trên suốt bảo vệ chỉ nên không rối, không thay đổi tiết diện. Không chất cầm máu. Có các size: 0, 00, 000 Lọ/ ≥ 305cm	Lọ	10
19	Acid Etching	Etching dạng bán gel với thành phần 37% axit photphoric Ống/ ≥ 5ml	Chai	15
20	Cọ bông bôi keo Composite	Có 3 size: nhỏ (tím, trắng); trung bình (xanh dương, vàng); lớn (cam, xanh lá) Ống/ ≥ 100 cây	Cây	5.200

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
21	Composite đặc	Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp, sử dụng trám các răng trước và sau. Ít co, lực co thấp. Độ kháng mài mòn cao. Dễ điều khắc và đánh bóng. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên. Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc Màu: A2 Gói/ 10 nhộng 0.25g	Nhộng	650
22	Composite đặc	Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp, sử dụng trám các răng trước và sau. Ít co, lực co thấp. Độ kháng mài mòn cao. Dễ điều khắc và đánh bóng. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên. Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc Màu: A3 Gói/ 10 nhộng 0.25g	Nhộng	1.150
23	Composite đặc	Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp, sử dụng trám các răng trước và sau. Ít co, lực co thấp. Độ kháng mài mòn cao. Dễ điều khắc và đánh bóng. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên. Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc Màu: A3.5 Gói/ 10 nhộng 0.25g	Nhộng	1.200
24	Composite đặc	Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp, sử dụng trám các răng trước và sau. Ít co, lực co thấp. Độ kháng mài mòn cao. Dễ điều khắc và đánh bóng. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên. Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc Màu: B2 Gói/ 10 nhộng 0.25g ???	Nhộng	700
25	Composite lỏng	Composite lỏng quang trùng hợp, sử dụng trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, xoang V. Dùng kết hợp với Tetric N-Ceram. Độ chảy lỏng tuyệt vời. Độ cân quang cao. Trùng hợp trong vòng 10 giây Màu: A2 Gói/ 10 nhộng 0,25g	Nhộng	700
26	Cone Gutta Percha	Có độ thuần 2%. Có vạch. Các size: 15 - 80 Hộp/ ≥ 120 cây	Hộp	250
27	Cone Gutta Percha	Có độ thuần 4%, 6%. Có vạch. Các size: 15 - 80. Sử dụng cho trám máy Hộp/ ≥ 120 cây	Hộp	40
28	Chất trám	Dùng để trám phục hồi răng. Sử dụng điều trị xoang I, xoang II và trám lót lâu dài cho các xoang lớn. Đặc biệt trám răng trẻ em vừa là chất trám lót, vừa là chất bít hố rãnh Các màu: A3, A3.5 Hộp/ ≥ 15 g; 8ml	Lọ	15
29	Chổi đánh bóng	Chổi cước được sử dụng trong việc đánh bóng răng Hộp/ ≥ 144 cây	Cây	120



Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
30	Dầu máy	Đặc tính sản phẩm: Dầu tra tay khoan Hi-Clean Spray là sản phẩm chứa hoạt chất làm sạch và dầu bôi trơn cao cấp. Sử dụng đúng cách, phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và motor hơi Sử dụng Hi-Clean Spray trước khi khi hấp sấy giúp tránh khỏi sự hư hại cho các phụ kiện cơ khí Khuyến cáo nên thường xuyên sử dụng dầu tra tay khoan Hi-Clean giúp kéo dài tuổi thọ cho tay khoan cũng như tránh được sự hao mòn do hoạt động của tay khoan mang lại Dầu tra tay khoan Hi-Clean Spary được tạo ra với công thức rất hiệu quả cho nhiều loại tay khoan với các đầu xịt khác nhau Đầu xịt có thể được sử dụng lại với các chai dầu Hi-Clean Spray mới	Chai	25
31	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa Lọ/ $\geq 30\text{ml}$	Lọ	27
32	Keo trám bít ống tủy	Keo trám bít ống tủy AH 26 Đóng gói dạng hộp chứa 1 chai và 1 tuýp, chai $\geq 8\text{g(bột)}$ và tuýp $\geq 10\text{g(resin)}$	Lọ	6
33	Giấy cắn mỏng	Giấy cắn mỏng, dày 8 micron, kiểm tra khớp cắn chính xác. 2 mặt xanh đỏ Hộp/ ≥ 12 xấp	Hộp	12
34	Thuốc nội nha che tủy	Thành phần bao gồm Ca(OH)_2 dạng bột nhão PH12.5 Dùng đặt trong ống tủy. Dạng tuýp $\geq 1.2\text{ml}$	Lọ	5
35	Keo dán ngà	Keo dán một thành phần, xoi mòn với acid (total-etch), với độ bền dán cao. Dán tuyệt vời trên men và ngà. Keo dán nền ethanol/nước. Chai nhỏ giọt độc đáo, dễ sử dụng, cho phép nhìn thấy một cách chính xác lượng keo còn lại trong chai. Nắp đóng an toàn, hạn chế tối thiểu sự bay hơi Lọ/ $\geq 6\text{g}$	Lọ	12
36	Lentulo	Các size: 25 - 40, dài 21mm Hộp/ ≥ 4 cây	Cây	20
37	Lentulo	Các size: 25 - 40, dài 25mm Hộp/ ≥ 4 cây	Cây	20
38	Ly nhựa súc miệng	Đường kính 75mm. Ly dung tích $\geq 196\text{ml}$ Cây/ ≥ 50 cái	Cái	30.000
39	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ. Hình lê	Cây	350
40	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ Hình nón cụt (màu xanh lá)	Cây	125
41	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ Hình tròn, kích thước 1.2mm	Cây	125
42	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ Hình tròn, kích thước 1.4mm	Cây	125
43	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ Hình trụ chóp, kích thước 1.0mm	Cây	70
44	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ Hình trụ chóp, kích thước 1.2mm	Cây	70

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
45	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ Hình trụ chóp, kích thước 1.4mm	Cây	70
46	Mũi khoan vít mặt	Chất liệu Titanium. Đường kính 2.0mm	Cây	10
47	Mũi khoan xương	Mũi khoan phẫu thuật trụ Dùng với tay khoan tốc độ chậm Chất liệu Tungsten Carbide Chiều dài làm việc: 44,5mm Size: 010 - 023	Cây	300
48	Mũi mở tủy	Mũi khoan mở tủy Dùng với tay khoan tốc độ cao Chất liệu Tungsten Carbide Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm	Cây	70
49	Mũi mở tủy	Mũi khoan mở tủy Endo Access Dùng với tay khoan tốc độ cao Chất liệu kim cương Chiều dài làm việc: 21mm Size: 1 - 3	Cây	700
50	Đai nhám kê	Sợi nhám kê siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc dẻo dai với nhiều độ mịn khác nhau. Số 25 Hộp/ $\geq$ 12 sợi	Hộp	10
51	Oxit kẽm	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm Lọ/ $\geq$ 110g	Lọ	27
52	Ống hút nha	Sử dụng 1 lần. Có 2 màu: xanh trong và trắng đục Gói/ $\geq$ 100 cái	Ống	28.000
53	Trâm tay	Dùng sửa soạn, mở rộng ống tủy Size: 8. Chiều dài: 21mm, 25mm Hộp/ $\geq$ 6 cây	Hộp	70
54	Trâm tay	Dùng sửa soạn, mở rộng ống tủy Size: 10 - 80. Chiều dài: 21mm, 25mm Hộp/ $\geq$ 6 cây	Hộp	270
55	Sò đánh bóng	Đánh bóng răng sau cạo vôi. Mùi Bạc Hà Hộp/ $\geq$ 200 viên	Cái	120
56	Thuốc nong ống tủy	Glyde-bôi trơn ống tủy Ống/ $\geq$ 3ml	Cái	12
57	Trâm gai màu trắng	Dùng để lấy tủy răng Size: 1, dài 21mm Hộp/ $\geq$ 6 cây	Cây	950
58	Trâm gai màu xanh	Dùng để lấy tủy răng Các size: 4 - 5, dài 21mm Hộp/ $\geq$ 6 cây	Cây	950
59	Nút Ivy cố định hàm		Cây	20
60	Nẹp thẳng 4 lỗ cho vít 2.4mm	Nẹp thẳng kết hợp xương hàm dưới . Chất liệu: Titanium Grade 3 . Nẹp 4 lỗ bắc cầu, dài 27.6mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. . Nẹp rộng 6mm, nẹp dày 1.5, 2.0mm . Tương thích với vít 2.4mm, vít khản cấp 2.7mm trong trường hợp lỏng vít	Cái	50

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
61	Mũi khoan xương	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 2.0mm - Chiều dài mũi khoan: 72/ 110mm - Chiều dài làm việc 25mm - Tương thích vít lớn đường kính 2.4mm.	Cái	5
62	Vít hàm	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.4mm x 6mm	Cái	100
63	Vít hàm	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.4mm x 8mm	Cái	50
64	Vít hàm	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.4mm x 10mm	Cái	50
65	Vít hàm	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.4mm x 12mm	Cái	20
66	Nẹp thẳng 18 lỗ cho vít 2.0mm	Nẹp thẳng kết hợp xương . Chất liệu: Titanium Grade 2, 3 . Kích thước: + Nẹp thẳng 18 lỗ, dài 98mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. + Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm + Nẹp dày 0.8, 1.0mm + Đường kính lỗ nẹp 2.4mm - Tương thích với vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít.	Cái	200
67	Mũi khoan xương	Mũi khoan phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm + Chiều dài mũi khoan: 72/ 110mm + Chiều dài làm việc: 22mm - Tương thích vít nhỏ đường kính 2.0mm - Tương thích vít 2.0mm	Cái	10
68	Vít mặt	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.0mm x 6mm	Cái	300
69	Vít mặt	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.0mm x 8mm	Cái	300
70	Vít mặt	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.0mm x 10mm	Cái	200
71	Vít mặt	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Kích thước 2.0mm x 12mm	Cái	50
72	Nẹp thẳng 20 lỗ cho vít 1.5mm	Nẹp thẳng kết hợp xương . Chất liệu: Titanium Grade 3 . Kích thước: + Nẹp thẳng 12 lỗ, dài 53.7mm, rộng 3.6mm, khoảng cách 2 lỗ 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm + Nẹp dày 0.7mm + Đường kính lỗ nẹp 1.9mm - Tương thích với vít 1.5mm, vít khấn cấp 1.8mm trong trường hợp lỏng vít.	Cái	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
73	Mũi khoan xương đường kính 1.1mm	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 1.1mm - Chiều dài mũi khoan: 58mm, chiều dài làm việc 12mm. - Chiều dài mũi khoan: 65mm, 90mm, chiều dài làm việc 15mm. - Tương thích vít đường kính 1.5mm.	Cái	2
74	Vít xương Mid 1.5 x 6mm	Vít cố định nẹp, lưới và sọ Chất liệu: Titanium Vít có đường kính 1.5mm, đường kính lõi 1.0mm, đường kính đầu 2.5mm, bước ren 0.7mm Dài 6mm Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp, lưới sau khi bắt Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương Bề mặt vít được xử lý Anodizing xanh lam Vít khân cấp có đường kính 1.8mm, dài 6, 8, 10mm. Tương thích với mũi khoan đường kính 1.1mm	Cái	20
75	Vít xương Mid 1.5 x 8mm	Vít cố định nẹp, lưới và sọ Chất liệu: Titanium Vít có đường kính 1.5mm, đường kính lõi 1.0mm, đường kính đầu 2.5mm, bước ren 0.7mm Dài 8mm Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp, lưới sau khi bắt Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương Bề mặt vít được xử lý Anodizing xanh lam Vít khân cấp có đường kính 1.8mm, dài 6, 8, 10mm. Tương thích với mũi khoan đường kính 1.1mm	Cái	20
76	Kiểm nhổ răng	Kiểm nhổ răng cối hàm trên số 150	cây	10
77	Kiểm nhổ răng	Kiểm nhổ răng cửa hàm trên	cây	10
78	Kiểm nhổ răng	Kiểm nhổ răng cối hàm dưới số 151	cây	10
79	Kiểm nhổ răng	Kiểm nhổ răng cửa hàm dưới	cây	10
80	Kiểm nhổ răng	Kiểm nhổ răng số 8 hàm trên	cây	5
81	Kiểm nhổ răng	Kiểm nhổ răng số 8 hàm dưới	cây	5
82	Nạy khuỷu tam giác	Nạy thẳng đầu tam giác 15cm	bộ	5
83	Khay chữ nhật	Chất liệu Inox hoặc tương đương Kích thước 13.5cm x 21cm	cái	20
84	Kẹp Present		cây	20
85	Cây nong ống tủy	Số 30 - 80 Vĩ/ ≥ 6 cây	cây	450
86	Cây dũa ống tủy	Số 30 - 80 Vĩ/ ≥ 6 cây	cây	450
87	Single Bond 2	6g	Lọ	3
88	Arsinic	Thuốc diệt tủy lọ 5g	lọ	2
89	Giấy lau miệng	Giấy Rút Hộp	hộp	54
90	Sát khuẩn tay khoan	Giấy Sát khuẩn tay khoan CaviWipes 1 820G	hộp	26
91	Nước rửa ống tủy	Sodium Hypochloride 0.25%, nước tinh khiết	Chai	50
92	B. Chỉnh nha			

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Xi măng gắn phục hình	Vật liệu gắn khâu răng trong chỉnh hình hàm mặt Thành phần: Xi măng Radiopaque Glass Ionomer Gồm 01 lọ bột ($\geq 30g$) và 01 lọ nước ($\geq 12ml$) Thời gian trộn 1 phút. Thời gian làm việc từ lúc trộn 3 phút 30 giây. Thời gian đông cứng từ lúc trộn 7 phút	Hộp	4
2	Thun tách kẽ răng sau	Gói/ 13 cây. Màu xám. Không được làm bằng mù cao su tự nhiên. Mô-đun A-1 hoặc A-2. 60 mô-đun mỗi que. Vòng ngón cái trung tâm.	Gói	4
3	Keo gắn mắc cài	Keo gắn mắc cài quang trùng hợp là keo gắn chỉnh nha có thể gắn dán cả mắc cài kim loại và sứ. Quang trùng hợp nhanh chóng để tạo độ bền dán tức thì. Có sẵn dưới dạng ống dễ sử dụng và thuận tiện Gói/ 4 tuýp 4g.	Ống	6
4	Thép buộc	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương Kích thước: Đường kính khoảng 0.008 $\rightarrow$ 0.014 inch Hình dạng: Sợi thẳng, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Quy cách: 600 sợi/hộp - Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài	Hộp	1
5	Mắc cài	Mắc cài kim loại dễ sử dụng. Kết cấu vững chắc. Thiết kế cánh thấp. Dễ dàng luồn dây cung. Dễ dàng định vị. Mắc cài nhẵn, bo tròn, thân thiện với bệnh nhân Bộ/ ≥ 20 cái	Bộ	15
6	Thun buộc mắc cài 45 độ	Không được làm bằng mù cao su tự nhiên. Dễ dàng buộc vào răng. Kích thước phù hợp với hầu hết các mắc cài Có 26 màu sắc thú vị. Tất cả các màu đều có khả năng chống phai trong tối thiểu một tháng trong nước bọt nhân tạo, 8% etanol trong nước, dầu hạt bông và nước soda có ga Gói/ ≥ 100 cây	Gói	20
7	Thun chuỗi khít	Thun chuỗi được làm từ vật liệu chất lượng cao, độ bền kéo dài, cung cấp sự đàn hồi và độ bền cao nhất. Chống thấm nước Loại thun khít Cuộn/ ≥ 457 cm	Cuộn	5
8	Thun chuỗi thưa	Thun chuỗi được làm từ vật liệu chất lượng cao, độ bền kéo dài, cung cấp sự đàn hồi và độ bền cao nhất. Chống thấm nước Loại thun thưa Cuộn/ ≥ 457 cm	Cuộn	5
9	Thuốc gắn mắc cài	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chỉnh hình hàm mặt - Thành phần: keo đông cứng bằng quang trùng hợp - Sản phẩm được thiết kế để sử dụng ở nhiệt độ phòng 20-25°C - Tương thích với đèn quang trùng hợp. - Yêu cầu khi sử dụng: dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài	Hộp	4
10	Thun kéo liên hàm	Được làm bằng mù cao su tự nhiên, phủ bằng bột báp. Cắt chính xác, cao su đạt tiêu chuẩn dùng cho phẫu thuật. Phạm vi tác động và lực nhất quán. Có nhiều kích thước thun và phạm vi tác động lực khác nhau tùy kích thước Kích thước: $\geq 6.4mm$ Gói/ ≥ 100 sợi	Bịch	30

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
11	Thun kéo liên hàm	Được làm bằng mủ cao su tự nhiên, phủ bằng bột bắp. Cắt chính xác, cao su đạt tiêu chuẩn dùng cho phẫu thuật. Phạm vi tác động và lực nhất quán. Co nhiều kích thước thun và phạm vi tác động lực khác nhau tùy kích thước Kích thước: $\geq 4.6\text{mm}$ Gói/ ≥ 100 sợi	Bịch	30
12	Thun kéo liên hàm	Được làm bằng mủ cao su tự nhiên, phủ bằng bột bắp. Cắt chính xác, cao su đạt tiêu chuẩn dùng cho phẫu thuật. Phạm vi tác động và lực nhất quán. Co nhiều kích thước thun và phạm vi tác động lực khác nhau tùy kích thước Kích thước: $\geq 3.2\text{mm}$ Gói/ ≥ 100 sợi	Bịch	30
13	Dây cung	Được phát triển như một giải pháp thay thế cho các loại thép không gỉ, cung cấp độ đàn hồi tuyến tính và khả năng uốn cong của thép cường độ cao, phạm vi làm việc đàn hồi và lực nhẹ hơn mà chỉ niken titan có thể cung cấp Loại trên, Kích cỡ 0.12 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	5
14	Dây cung	Được phát triển như một giải pháp thay thế cho các loại thép không gỉ, cung cấp độ đàn hồi tuyến tính và khả năng uốn cong của thép cường độ cao, phạm vi làm việc đàn hồi và lực nhẹ hơn mà chỉ niken titan có thể cung cấp Loại dưới, Kích cỡ 0.12 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	5
15	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại trên, Kích cỡ 0.14 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	
16	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại dưới, Kích cỡ 0.14 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	
17	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại trên, Kích cỡ 0.16 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
18	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại dưới, Kích cỡ 0.16 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4



Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
19	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại trên, Kích cỡ 0.16 x 16 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
20	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại dưới, Kích cỡ 0.16 x 16 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
21	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại trên, Kích cỡ 0.16 x 22 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
22	Dây cung	Dây cung kích hoạt nhiệt là loại dây cung siêu đàn hồi được kích hoạt bằng nhiệt. Có thể được làm mát hoặc làm lạnh để dây mềm hơn, dẻo hơn giúp dễ lắp dây cung. Cung cấp lực nhẹ liên tục. Kích hoạt lực xảy ra ở mức xấp xỉ nhiệt độ cơ thể, là mẫu dây cung tuyệt vời để kiểm soát sớm độ nghiêng ngoài trong (torque) Loại dưới, Kích cỡ 0.16 x 22 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
23	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại trên, Kích cỡ 0.16 x 16 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
24	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại dưới, Kích cỡ 0.16 x 16 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
25	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại trên, Kích cỡ 0.16 x 22 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
26	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại dưới, Kích cỡ 0.16 x 22 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
27	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại trên, Kích cỡ 0.17 x 25 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
28	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại dưới, Kích cỡ 0.17 x 25 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
29	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại trên, Kích cỡ 0.18 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
30	Dây cung	Dây cung thép không gỉ mang lại sự cân bằng giữa đặc tính cứng và đàn hồi. Khả năng định hình tốt. Độ bền kéo tầm trung. Có sẵn dưới hình dạng cung răng Loại dưới, Kích cỡ 0.18 Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	4
31	Kẽm siết mắc cài		Hộp	4
32	Kẽm siết mắc cài	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng Chất liệu: thép không gỉ Kích thước: 0.008 - 0.014 inch Hộp/ ≥ 100 cái	Hộp	4
33	Lò xo tạo khoảng Nitinol	cuộn 38cm lực 150gr	Hộp	4
34	Banh miệng		Hộp	2
35	Khâu răng 6 có hàn ống đơn và cleat	Nhiều kích cỡ. Khâu chỉnh nha vi nhám bề mặt bên trong lòng khâu để tăng lưu giữ xi măng gắn khâu, tăng độ bền gắn so với khâu không có vi nhám. Đánh dấu ID bằng laser vĩnh viễn. Giảm kích thước chiều nhai nướu để ít cộm khớp và tổn thương nướu. Tăng bề dày mặt nhai để giảm biến dạng khâu. Ôm theo cấu trúc giải phẫu răng và có nhiều kích thước để chọn lựa.	Cái	200
36	Khâu răng 7	Nhiều kích cỡ. Khâu chỉnh nha vi nhám bề mặt bên trong lòng khâu để tăng lưu giữ xi măng gắn khâu, tăng độ bền gắn so với khâu không có vi nhám. Đánh dấu ID bằng laser vĩnh viễn. Giảm kích thước chiều nhai nướu để ít cộm khớp và tổn thương nướu. Tăng bề dày mặt nhai để giảm biến dạng khâu. Ôm theo cấu trúc giải phẫu răng và có nhiều kích thước để chọn lựa.	Cái	200
C.	Phục hình			
1	Cao su nặng	Cao su lấy dấu loại nặng, trùng hợp bình thường. Cao su nặng Eco là một silicone bổ sung kết hợp các tác động của công nghệ nano với khả năng thấm nước cao, do đó đảm bảo lấy dấu hiệu quả trong nhiều trường hợp lâm sàng. Hộp/ 2 x 250ml *Tỷ lệ trộn 1:1 *Tổng thời gian làm việc 3'30" *Thời gian trộn: 1'30" *Thời gian đông trong miệng 2' *Màu xanh dương nhạt.	Hộp	5



[Handwritten signature]

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Cao su nhẹ	Light body 50ml Cao su lòng lấy dầu loại nhẹ trộn bằng súng, dùng chung với cao su đặc Eco, màu cam, trộn bằng súng tỷ lệ 1:1 *Loại trùng hợp thường: làm việc 3'30"	Hộp	5
3	Sáp hồng	Màu hồng. Hộp/ 500g. Sáp hồng dùng ghi dấu khớp cắn, làm gổ sáp	Hộp	5
4	Fuji I	Hộp/ 35g: 15g. Dùng để hàn gắn cầu răng, mào răng, chốt, mắc cài chỉnh hình	Lọ	5
5	Thạch cao cứng	Hộp/ 2 gói 1.5kg. Dùng để đổ khuôn răng	gói	10
6	Thạch cao mềm	Đổ để mẫu thạch cao. Màu trắng. Gói/ 2kg	Kg	10
II. Nhóm số 2: Vật tư y tế dùng trong can thiệp nội mạch thần kinh				
1	Sheath dài dùng trong can thiệp mạch não	Ống thông dẫn đường dạng sheath cho can thiệp thần kinh, dạng Neuronmax hoặc tương đương Chất liệu: Polymer Kích thước: Đường kính trong: 0.088"; Chiều dài: 80-100cm	Bộ	100
2	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Đường kính trong lớn giúp tăng cường lực hút và củng cố độ uyển chuyển khi điều hướng ở đầu xa trên. '- Đường kính trong 0.07", đường kính ngoài đầu gần 0.0825" Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa 19cm, chiều dài đầu gần 106cm) hoặc 131cm (chiều dài đầu xa 19cm, chiều dài đầu gần 112cm), đầu thẳng. - Lòng ống rộng hơn nên hút được huyết khối lớn hơn	Bộ	50
3	Giá đỡ kéo huyết khối dạng chuỗi các khung lồng	Stent chuyên dụng lấy huyết khối, được thiết kế dạng các khung lồng liên kết với nhau nhất quán. Có từ 3 đến 5 đoạn khung lồng hình cầu, đường kính 3-6mm, chiều dài 15-44mm	Bộ	30
4	Vi ống thông các loại	Vi ống thông lớp trong cùng vật liệu PTFE dạng taper có các vòng xoắn gia cố, lớp ngoài phủ Hydrophilic Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. Đường kính trong 0.017"- 0.027"; đường kính ngoài đầu gần 2.4F -3, 1F; đường kính ngoài đầu xa 1.7F -2.6F Chiều dài sử dụng 150cm và 156cm, trơn và linh hoạt, có hai markers	Cái	100
5	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ Đường kính 3.0-5.0mm; Chiều dài 15-30mm Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm; Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent	Cái	10
6	Bóng nong điều trị tắc hẹp nội sọ	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não, loại Neurospeed hoặc tương đương Chất liệu: PBx, Silicon Kích thước: Đường kính 1.5-4mm; Bóng Dài 8mm Bóng nằm ở đầu microcatheter dài 150cm, lòng trong vi ống thông mang bóng 0.0165"	Cái	40

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
16	Lưới bảo vệ động mạch cảnh và ngoại biên	Lưới bảo vệ động mạch cảnh và ngoại biên khi can thiệp, loại Spider FX hoặc tương đương Chất liệu: Nitinol, Platinum Kích thước: Đường kính: 4-5mm, Lưới dài 5-15mm Cấu tạo: Hệ thống giữ dụng cụ có 2 đầu để đặt và thu lưới, có lõi dài 300cm có thể cắt bớt, hệ thống đưa lên theo dây dẫn đã chọn lọc qua chỗ hẹp	Cái	30
17	Ống thông chụp mạch não và ngoại biên	Ống thông chụp mạch máu não tùy và ngoại biên, loại rainbow hoặc tương đương Chất liệu: Polymer có gia cố lớp đan thép Kích thước: Đường kính trong: 0.038-0.035", đường kính ngoài 4-5F. Chiều dài: 70-100cm Cấu tạo: thân có lớp gia cố đan bằng thép	Cái	100
18	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu mềm	Dụng cụ dẫn đường vào mạch máu, dạng Starflex hoặc tương đương Chất liệu: bằng nhựa mềm, có wire bằng thép Kích thước: 5-8F. Chiều dài: 11-70cm	Bộ	100
19	Đầu nối chữ Y	Đầu nối Y-Star dạng bấm và vặn, dạng Y-Star hoặc tương đương Chất liệu: bằng nhựa cứng có van khóa Kích thước: Dài 3-10cm, lòng trong 9F	Bộ	200
20	Dụng cụ đóng mạch máu	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ, loại Proglide Chất liệu: Chỉ silk Kích thước: Tương thích với lỗ đâm kim dùng sheath 6-8F Đặc điểm: Đóng mạch máu bằng cách tạo mối chỉ 2 bên lỗ đâm động mạch và thắt chỉ	Bộ	20
21	Dây dẫn can thiệp mạch máu thần kinh	Cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt Lớp phủ SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer, dài 170-180cm Đường kính: 0.010"-0.018" Chiều dài khả dụng: 300cm	Cái	50
22	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu	Dây dẫn can thiệp mạch máu anguis phủ lớp ái nước hydrophilic Cấu tạo: Nitinol Đường kính: 0.018", 0.035" Có 05 kích thước chiều dài khác nhau: 45-180cm Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled, Straight, 1.5J, 2.0J, 3.0J, Beak	Bộ	200



Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	Đvt	Số lượng
7	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Cấu tạo phối hợp vòng xoắn và sợi bên giúp tăng cường độ bền, hỗ trợ điều hướng đầu xa của dụng cụ can thiệp; Gia cố lớp trong cùng bằng vòng xoắn kim loại giúp tăng cường khả năng chống xoắn vặn khi đưa dụng cụ qua các đoạn mạch cong gấp Đường kính 0.055", chiều dài 125cm, đầu thẳng Hệ thống dẫn nhỏ giúp tương thích với hệ thống ống thông dẫn đường 6F đường kính trong 0.07"	Bộ	50
8	Dây dẫn các loại	Dây dẫn chất liệu công nghệ Nitinol-stainless hypbrid, lớp vỏ là PTFE, đặc biệt đầu gần là PTFE mật độ cao giúp giảm ma sát, phủ Hydrophilic dài 200cm trong đó chiều dài đầu xa là 40cm với lõi là Nitinol Đường kính đầu gần 0.014" và đường kính đầu xa 0.012"; Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm	Cái	100
9	Kìm cắt coil	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Chỉ cần 1 người vận hành, chỉ cần ấn duy nhất 1 nút trong vòng 0.75 giây để cắt 1 vòng xoắn. Thông qua đèn báo và tín hiệu chuông phát ra thông tin ngay lập tức cho biết kìm đã sẵn sàng cắt vòng xoắn	Cái	30
10	Vòng xoắn kim loại các loại	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum, không phủ Gel với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D. Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn 1-24mm, chiều dài coil 1-68cm	Cái	50
11	Vi ống thông các cỡ	Vi ống thông dùng trong thả coil, bóng chèn, stent hỗ trợ coil, chất gây tắc mạch điều trị AVM, phương pháp kết hợp thả coil và chất gây tắc mạch AVF. Lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic, giảm ma sát giúp tăng khả năng dẫn đường trong các đoạn mạch xoắn vặn Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang); loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang, đầu thuận nhọn)	Cái	50
12	Bình chứa gắn với bơm hút huyết khối	Bình chứa máu gắn với bơm hút huyết khối Chất liệu: bằng nhựa cứng	Bộ	10
13	Dây nối với máy bơm hút huyết khối	Dây nối với máy bơm hút huyết khối Chất liệu: bằng nhựa mềm Kích thước: dài 200-300cm, lòng trong 8F-9F Cấu trúc: có van bật tắt hút 1 chiều	Bộ	20
14	Bóng nong động mạch cảnh các cỡ	Bóng nong stent động mạch cảnh và ngoại biên, loại sterling hoặc tương đương Chất liệu: Nylon, Silicone Kích thước: Đường kính bóng 4-6mm, Bóng dài 15-20mm Hệ thống đưa bóng lên dạng Monorail, tương thích với vi dây dẫn 0.014-0.018"	Cái	30
15	Stent điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ	Stent điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ, loại Caritod wallstent hoặc tương đương Chất liệu: Nitinol Kích thước: Đường kính stent 6-9mm, Chiều dài sau khi bung 30-40mm Cấu trúc mắt lưới stent dạng đóng	Cái	30

PHỤ LỤC 02

MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hạn dùng (≥ tháng)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(9)*[(10)+(11)+(12)]
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											
	Tổng cộng											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 02.1

MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KÝ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm bảo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại BHYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

....., ngày.... tháng.... năm 2024
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))